TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Duyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên.

Ông Hoàng Văn Khoát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Vi Văn T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyên, có được tìm hiểu nhau trước khi cưới trong thời gian ngắn khoảng 02 tháng. Cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng

Sơn vào ngày 12/12/2005. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại thôn H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trên đất của gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu. Từ năm 2007 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vấn đề kinh tế gia đình khó khăn, túng thiếu, anh T hay cờ bạc, rượu chè, nhiều lần về còn đánh đập chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 10/2016 chị đi làm Công ty điện tử tại tỉnh Bắc Giang, vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị và anh Vi Văn T có 01 con chung tên là Vi Đức T, sinh ngày 29/10/2006. Hiện nay cháu T đang ở với anh T tại thôn H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T vì hiện nay anh T đang bệnh tật, không có việc làm, không có thu nhập ổn định. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vi Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về điều kiện kết hôn đúng như chị L trình bày, anh không có ý kiến. Tuy nhiên về thời điểm xảy ra mâu thuẫn thì bắt đầu từ năm 2010. Nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng cũng là do vấn đề kinh tế gia đình, anh thừa nhận cũng hay uống rượu, cờ bạc tuy nhiên là do họ hàng đông nên thường xuyên phải cỗ bàn, rượu chè. Từ đầu tháng 10/2016 chị L bỏ nhà đi làm thuê. Vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Mặc dù vợ chồng có mâu thuẫn như vậy nhưng anh vẫn mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Tuy nhiên nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh T thừa nhận anh và chị L có 01 con chung như chị L trình bày, cháu tên là Vi Đức T, sinh ngày 29/10/2006. Nếu trong trường hợp phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T vì từ tháng 10/2016 chị L bỏ nhà đi làm ăn, anh vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T ăn học đến nay. Anh yêu cầu chị L phải cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng không thành.

Đối với cháu Vi Đức T là con chung của chị Đặng Thị L và anh Vi Văn T, sinh ngày 29/10/2006. Cháu đã trên 7 tuổi do đó quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu về nguyện vọng cháu được ở với ai sau khi bố mẹ ly hôn. Ngày 12/5/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, cháu T khai có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Tuy nhiên đến ngày 30/6/2017,

tại thôn H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, cháu T lại thay đổi ý kiến có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Vi Văn T đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đây là lần thứ hai Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án.

Cũng tại phiên tòa, sau khi Hội đồng xét xử công bố lại ý kiến của anh T và ý kiến của cháu Vi Đức T, nguyên đơn chị Đặng Thị L đã thay đổi yêu cầu nuôi con, đồng ý cho anh Vi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Đức T và chị cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con anh T đưa ra là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; người tham gia tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, về phía bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Vi Văn T. Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Vi Đức T, sinh ngày 29/10/2006 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị L có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vi Đức T, cho anh Vi Văn T mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Vi Đức T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Vi Văn T vắng mặt không có lý do, mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh Vi Văn T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Vi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 04 ngày 12/12/2005 do Ủy ban nhân dân thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn cấp.

[3] Sau khi kết hôn, chị Đặng Thị L và anh Vi Văn T chung sống hạnh phúc trên đất của gia đình nhà chồng tại thôn H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, sau đó giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng dần rạn nứt. Nguyên nhân dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn là do vấn đề về kinh tế gia đình, anh T thường xuyên say rượu, đôi khi còn đánh đập chị L. Vợ chồng đã chính thức sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn của hai vợ chồng và hiện nay vợ chồng đã chính thức ly thân. Tuy nhiên anh không muốn ly hôn mà muốn chị L quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái, anh sẽ cố gắng thay đổi cách sống, không rượu chè, cờ bạc, chăm lo cho gia đình. Tuy nhiên chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí.

[4] Xét thấy, chị Đặng Thị L không còn tình cảm, không thương yêu đối với anh Vi Văn T; Vợ chồng đã sống ly thân, không còn khả năng hàn gắn; Anh Vi Văn T mong muốn đoàn tụ tuy nhiên chị L cương quyết ly hôn, nên anh cũng nhất trí. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T.

[5] Về trách nhiệm nuôi con: Chị Đặng Thị L và anh Vi Văn T có một con chung là cháu Vi Đức T, sinh ngày 29/10/2006. Hiện cháu T đang ở cùng với anh T tại thôn H, thị trấn C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, chị L thay đổi ý kiến, đồng ý để cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vi Đức T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh T. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháo Vi Đức T cho anh Vi Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng.

[7] Chị Đặng Thị L có quyền thăm nom con theo quy định, không ai được phép cản trở.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Tòa không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Vi Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Vi Đức T, sinh ngày 29/10/2006 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi;

Chị Đặng Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đặng Thị L có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vi Đức T, sinh ngày 29/10/2006 cho anh Vi Văn T mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Vi Đức T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Vi Văn T nếu chị Đặng Thị L không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng chị Đặng Thị L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/03103 ngày 03/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự Chi Lăng; Chị Đặng Thị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- CCTHA dân sự huyện Chi Lăng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Chi Lăng, H. Chi Lăng;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Duyện